

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Thái Nguyên
lần thứ XVII năm 2020

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÁI NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh, sinh viên; Quyết định số 2247/QĐ-BGDĐT ngày 07/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc ban hành Điều lệ Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ X năm 2020;

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2019-2020 về công tác Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học; Kế hoạch số 1698/KH-SGDĐT, ngày 16/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo, ban hành Kế hoạch tổ chức Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII, năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Chính trị- Tư tưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII năm 2020, áp dụng từ cấp trường, huyện (thành phố, thị xã) và cấp tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng Kế hoạch Tài chính, Chính trị- Tư tưởng, Giáo dục Trung học, Giáo dục Tiểu học Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng các phòng giáo dục và đào tạo, Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông, giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên và các thành viên tham gia Hội khỏe Phù Đổng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ GDTC- Bộ GDĐT (báo cáo);
- Ban Giám đốc Sở GDĐT;
- Sở VHTT-DL, Sở Tài chính; Sở Y tế;
Công An tỉnh (phối hợp);
- UBND huyện, thị xã, thành phố (phối hợp);
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, CT-TT.



Nguyễn Đức Thịnh

ĐIỀU LỆ

HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG TỈNH THÁI NGUYÊN LẦN THỨ XVII NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1692 /QĐ-SGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2020
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Hội khoẻ Phù Đổng (HKPD) là Đại hội Thể dục thể thao (TDTT) học sinh phổ thông nhằm duy trì và đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, thường xuyên tập luyện và thi đấu các môn thể thao trong học sinh phổ thông để nâng cao sức khoẻ, phát triển thể chất góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh;

- Góp phần thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Đánh giá công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường phổ thông; Phát hiện năng khiếu và những tài năng thể thao của học sinh phổ thông nhằm bồi dưỡng, đào tạo phát huy tài năng thể thao của học sinh.

2. Yêu cầu

- Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Hiệu trưởng các trường Tiểu học (TH), Trung học cơ sở (THCS), Trung học phổ thông (THPT) tuyên truyền, phổ biến, quán triệt mục đích, ý nghĩa của HKPD đến toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh trong toàn trường và chỉ đạo tổ chức HKPD các cấp theo quy định của Điều lệ, nhằm khuyến khích động viên học sinh tham gia rèn luyện thể lực, nâng cao sức khỏe đáp ứng nhiệm vụ học tập và giáo dục toàn diện;

- Tăng cường cơ sở vật chất, sân tập, nhà tập và các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ việc dạy và học môn thể dục; tổ chức các hoạt động TDTT và thi đấu thể thao trong trường học;

- Tổ chức HKPD cấp trường theo chu kỳ 1 năm/lần; cấp quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) và tỉnh theo chu kỳ 2 năm/lần. Trên cơ sở các môn thi của HKPD toàn quốc, tăng cường các môn thi thể thao dân tộc và các nội dung thi đơn giản phù hợp với đặc thù của từng trường, từng địa phương với mục đích chủ yếu là nâng cao sức khoẻ, rèn luyện thể chất cho học sinh;

- HKPĐ các cấp phải được tổ chức tuyệt đối an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, tránh phô trương, hình thức, lãng phí;

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 15/2002/CT-TTg, ngày 26/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực trong các hoạt động TDTT.

Điều 2. TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO

1. HKPĐ cấp trường: Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban Tổ chức HKPĐ cấp trường, trong đó Hiệu trưởng là Trưởng Ban Tổ chức và các ủy viên gồm: Các giáo viên bộ môn thể dục, các giáo viên chủ nhiệm và cán bộ phụ trách đoàn, đội...

2. HKPĐ cấp huyện, thành phố, thị xã:

- Trưởng phòng GDĐT huyện (thành phố, thị xã) làm Trưởng ban Tổ chức;
- Các thành viên khác của Ban Tổ chức gồm: Lãnh đạo, chuyên viên của phòng GDĐT cấp huyện (thành phố, thị xã), các cơ quan ban ngành liên quan.

Điều 3. CÁC MÔN VÀ NỘI DUNG THI ĐẤU

Căn cứ vào chương trình GDTC trong các trường phổ thông, phong trào TDTT của các nhà trường trong tỉnh, HKPĐ cấp tỉnh tổ chức thi đấu gồm 13 môn:

1. Môn Điền kinh: TH,THCS, THPT (nam, nữ)

2. Môn Bơi: TH,THCS, THPT (nam, nữ)

3. Môn Bóng bàn: TH,THCS, THPT (nam, nữ)

4. Môn Bóng đá

- TH: 5 người (nam);

- THCS: Nữ (5 người);7 người (nam);

- THPT: Nữ (5 người); Nam (7 người)

5. Môn Bóng chuyền: THCS, THPT (nam, nữ)

6. Môn Bóng rổ: THCS, THPT (nam, nữ)

7. Môn Cầu Lông: THCS, THPT (nam, nữ)

8. Môn Đá cầu: TH, THCS, THPT (nam, nữ)

9. Môn Thể dục Aerobic: TH, THCS, THPT

10. Môn Đẩy gậy: THCS, THPT (nam, nữ)

11. Môn Kéo co: THCS, THPT (nam, nữ)

12. Môn Võ cổ truyền: TH, THCS, THPT (nam, nữ)

13. Môn Cờ vua: TH,THCS, THPT

Điều 4. ĐƠN VỊ VÀ ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

1. Đơn vị tham gia: Mỗi phòng GDĐT thành lập một đoàn; mỗi trường THPT, mỗi trung tâm GDNN-GDTX; Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc, Trường Văn hoá I -Bộ Công An (mới tham gia) thành lập một đoàn dự thi.

2. Đối tượng tham gia

2.1. Đối tượng được tham gia:

a) Những học sinh (năm học 2019-2020) đang học tại các loại hình trường theo chương trình phổ thông, bao gồm: Trường TH, THCS và THPT, học sinh học tại trung tâm giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên.

b) Học sinh có đủ sức khoẻ thi đấu môn thể thao mà học sinh đó đăng ký tham gia;

c) Học sinh THCS, THPT có kết quả xếp loại học lực từ trung bình trở lên và hạnh kiểm từ khá trở lên (*không áp dụng đối với học sinh học TH*).

2.2. Đối tượng không được tham gia HKPĐ

Học sinh là vận động viên đang được đào tạo tại các trung tâm đào tạo vận động viên của tỉnh, trường năng khiếu TDTT tỉnh, học sinh đã tham gia các giải vô địch quốc gia về các môn thể thao; học sinh đã đoạt Huy chương tại các giải trẻ quốc gia (từ U17 trở lên) các môn thể thao do Tổng cục TDTT, liên đoàn thể thao quốc gia tổ chức.

2.3. Quy định về độ tuổi:

a. Học sinh TH:

- + Lớp 1-3: Độ tuổi 6 - 8 tuổi (sinh năm: 2013, 2012, 2011)
- + Lớp 4-5: Độ tuổi 9 - 10 tuổi (sinh năm: 2010, 2009)

b. Học sinh THCS:

- + Lớp 6-7: Độ tuổi: 11 - 12 tuổi (sinh năm: 2008-2007)
- + Lớp 8-9: Độ tuổi: 13 - 14 tuổi (sinh năm: 2006-2005)

c. Học sinh THPT:

- + Lớp 10: Độ tuổi: 15 tuổi (sinh năm 2004)
- + Lớp 11-12: Độ tuổi: 16 – 17: Độ tuổi (sinh năm 2003- 2002)

2.4. Học sinh ở cấp học dưới quá tuổi theo qui định thì được phép thi đấu ở cấp học trên liền kề, nhưng không được vượt tuổi quy định của cấp học đó. Mỗi học sinh chỉ được đăng ký thi đấu cho 01 đơn vị, ở 01 cấp học và 01 môn thi đấu (trừ môn Kéo co)

Điều 5. ĐĂNG KÝ THAM GIA THI ĐẤU

1. Hồ sơ tham gia thi đấu

1.1. Danh sách học sinh đăng ký tham gia HKPD do thủ trưởng đơn vị ký tên và đóng dấu (mẫu 02) gồm:

- 01 bản đăng ký số lượng VĐV sẽ tham gia thi đấu các môn thể thao (mẫu 1);
- 02 bản đăng ký tổng hợp danh sách chính thức tham gia HKPD (mẫu 3);
- 02 bản đăng ký chi tiết từng môn thi đấu (01 bản nam riêng, 01 bản nữ riêng cho từng cấp học) (mẫu 3);
- 02 ảnh (3x 4 cm) của mỗi thành viên trong đoàn (mẫu 4).

1.2. Bản sao giấy khai sinh (photo). Thời gian của bản sao giấy khai sinh phải trước tháng 8/2019.

1.3. Bản photo học bạ: Trang 1 (có trích ngang: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, lớp, trường... của học sinh) và trang có ghi kết quả học tập, rèn luyện học kỳ I năm học 2019-2020 của học sinh, có xác nhận, đóng dấu của hiệu trưởng nhà trường và giáo viên chủ nhiệm lớp;

1.4. Học sinh sinh năm 2004, 2003, 2002 phải mang theo chứng minh nhân dân để xuất trình khi kiểm tra nhân sự (không chấp nhận mọi lý do không có chứng minh nhân dân). Đối với trường hợp đặc biệt chưa được cấp giấy chứng minh nhân dân được thay thế bằng các giấy xác nhận chưa được cấp chứng minh nhân dân có dán ảnh, đóng dấu giáp lai của UBND xã hoặc Công an nơi cư trú.

1.5. Giấy khám sức khoẻ của do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp và xác nhận có đủ sức khoẻ tham gia nội dung mà học sinh sẽ thi đấu.

1.6. Phiếu thi đấu: (theo mẫu số 5)

Ghi chú: Hồ sơ Ban tổ chức lưu giữ không trả lại

2. Thời gian, địa điểm đăng ký thi đấu, họp chuyên môn

2.1. Thời hạn đăng ký các môn: Ngày 17/02/2020 về Sở GD&ĐT theo địa chỉ: Ông Nguyễn Đức Ninh chuyên viên phòng Chính trị-Tư tưởng, điện thoại: 0967.582.386, email: ninhnd.so@thainguyen.edu.vn.

2.2. Họp chuyên môn: 8h00 ngày 24/2/2020 tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh (mỗi đơn vị cử 01 HLV/01 môn thi đấu)

Chú ý: Riêng môn Bơi đăng ký ngày 16/3/2020; họp chuyên môn: 8h00 ngày 18/3/2020 tại Hội trường tầng 5 Sở GD&ĐT (thi đấu ngày 19,20,21,22/3/2020)

3. Các quy định khác

3.1. Chỉ tổ chức thi đấu khi mỗi nội dung của môn thi đấu phải có ít nhất 03 VĐV của 02 đơn vị trở lên tham gia thi đấu.

3.2. Trang phục

- Trang phục khía mạc đồng phục theo đoàn;
- Trang phục thi đấu theo quy định theo luật của môn thi đấu và phải in rõ tên đơn vị lên trang phục.

3.3. Trưởng đoàn là Lãnh đạo các đơn vị và các cán bộ phụ trách từng môn thi là các cán bộ, giáo viên thuộc ngành GDĐT.

3.4. Trưởng phòng GDĐT, Hiệu trưởng các trường THPT, chịu trách nhiệm về nhân sự của đơn vị mình.

Điều 6. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC

1. Thời gian, địa điểm tổ chức HKPĐ (dự kiến)

- Thời gian thi đấu: Từ ngày 27/2 đến ngày 09/3/2020
- Khai mạc: Ngày 29/02/2020 tại trung tâm dịch vụ thi đấu TDNN tỉnh
- Bế mạc: Ngày 24/3/2020 tại trung tâm GDTX tỉnh

2. Địa điểm các môn thi đấu:

TT	Môn thi đấu	Địa điểm
1.	Bóng đá	Bóng đá 5 người trường THPT Ngô Quyền Bóng đá 7 người trường THPT Chuyên
2.	Điền kinh	Sân vận động tỉnh Thái Nguyên
3.	Đẩy gậy	Nhà thi đấu Trường ĐH Nông lâm-ĐHTN
4.	Bóng bàn	Trường THPT Lương Ngọc Quyến
5.	Cầu lông	Nhà thi đấu, Trường ĐH Nông Lâm- ĐHTN
6.	Bóng chuyền	Trường THPT Lương Ngọc Quyến
7.	Bóng rổ	Trường THPT Lương Ngọc Quyến
8.	Đá cầu	Nhà thi đấu, Trường Đại học Sư phạm
9.	Kéo co	Nhà thi đấu, Trường ĐH Nông Lâm- ĐHTN
10.	Võ cổ truyền	Trường THPT Chuyên
11.	TD Aerobic	Trung tâm dịch vụ thi đấu TDNN tỉnh
12.	Cờ vua	Trung tâm dịch vụ thi đấu TDNN tỉnh
13.	Bơi	Bể bơi trường ĐHSP- ĐHTN

Điều 7. TÍNH ĐIỂM VÀ XẾP HẠNG

1. Điểm từng nội dung thi (cá nhân, đôi, đồng đội, tập thể) của từng môn thi chỉ tính theo xếp hạng từ thứ 1 đến thứ 10, cách tính như sau:

- Xếp hạng 1 = 11 điểm; xếp hạng 2 = 9 điểm; xếp hạng 3 = 8 điểm; xếp hạng 4 = 7 điểm; xếp hạng 5 = 6 điểm (thứ 5 đến thứ 8 đối với các nội dung thi theo thể thức loại trực tiếp); xếp hạng 6 = 5 điểm; xếp hạng 7 = 4 điểm; xếp hạng 8 = 3 điểm; xếp hạng 9 = 2 điểm (thứ 9 đến thứ 16 đối với các nội dung thi theo thể thức loại trực tiếp); xếp hạng 10 = 1 điểm;

- Đối với các nội dung được chia bảng thi đấu vòng tròn để chọn 2 đội vào thi đấu vòng sau, được tính điểm như sau:

- + Hai bảng: Xếp hạng 3 = 6 điểm; xếp hạng 4 = 4 điểm; xếp hạng 5 = 2 điểm;
- + Bốn bảng: Xếp hạng 3 = 2 điểm.

Điểm các môn thi tập thể: Bóng đá nhân hệ số 3; Bóng rổ, Bóng chuyền và Thể dục nội dung thi 8 người được nhân hệ số 2;

2. Xếp hạng môn thi: Được tính tổng số điểm đạt được của các đơn vị. Nếu bằng điểm nhau sẽ xét theo tổng số huy chương Vàng, Bạc, Đồng, nếu bằng nhau thì bắt thăm.

3. Xếp hạng toàn đoàn của HKPĐ theo điểm: Được tính tổng số điểm đạt được; nếu bằng điểm nhau, xét theo tổng số huy chương theo thứ tự Vàng, Bạc, Đồng; nếu bằng nhau thì bắt thăm.

Chương II

ĐIỀU LỆ TÙNG MÔN

Điều 8. MÔN ĐIỀN KINH

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ.

2. Nội dung

a) TH: Chạy 60m, bật xa tại chỗ (nam, nữ); ném bóng (nam, nữ); tiếp sức 4 x 50m (nam, nữ);

b) THCS:

- Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 1500m, tiếp sức 4 x 100m, tiếp sức 4 x 100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ) nhảy xa, nhảy cao, ném bóng;

- Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, tiếp sức 4 x 100m, nhảy xa, nhảy cao, ném bóng;

c) THPT:

+ Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 5000m, tiếp sức 4 x 100m, tiếp sức 4 x 100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ), nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 5kg;

+ Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 3000m, tiếp sức 4 x 100m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 3kg.

3. Thể thức thi đấu: Cá nhân, đồng đội

4. Số lượng tham gia: Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi nội dung cá nhân là 02 VĐV và một đội tiếp sức. Mỗi VĐV được dự thi tối đa 02 nội dung (không kể nội dung tiếp sức).

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Điền kinh hiện hành của Tổng cục TDTT-Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7-Chương I của Điều lệ này.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 9. MÔN BOI

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ

2. Nội dung thi đấu

a) TH:

- Bơi tự do: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi éch: 50m (nam, nữ);
- Bơi ngửa: 50m (nam, nữ);
- Bơi tiếp sức: 4x50m tự do (nam, nữ).

b) THCS:

* Độ tuổi 12-13

- Bơi tự do: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi éch: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi ngửa: 50m (nam, nữ);
- Bơi bướm: 50m (nam, nữ);
- Bơi tiếp sức: 4x50m tự do (nam, nữ);

* Độ tuổi 14-15

- Bơi tự do: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi éch: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi ngửa: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi bướm: 50m (nam, nữ);
- Bơi tiếp sức: 4x50m tự do (nam, nữ), 4x50m hỗn hợp (nam, nữ).

c) THPT:

- Bơi tự do: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi éch: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi ngửa: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi bướm: 50m, 100m (nam, nữ);
- Hỗn hợp: 200m (nam, nữ);
- Bơi tiếp sức: 4 x 50m tự do (nam, nữ).

3. Thể thức thi đấu: Thi cá nhân, đội tiếp sức.

4. Số lượng tham gia

4.1. Trong mỗi cự ly của từng lứa tuổi, mỗi đơn vị được cử 02 VĐV và một đội tiếp sức dự thi;

4.2. Mỗi VĐV được đăng ký thi đấu tối đa 02 cự ly (và 01 nội dung tiếp sức).

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Bơi hiện hành của Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 10. MÔN BÓNG BÀN

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ.

2. Nội dung thi đấu

- TH: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp và đồng đội nam, đồng đội nữ.

- THCS:

+ Độ tuổi: 12-13: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

+ Độ tuổi: 14-15: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

+ Đồng đội nam, đồng đội nữ (chung cho cả 2 độ tuổi).

- THPT: Đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đơn nam, đơn nữ, đôi nam nữ.

3. Thể thức thi đấu

3.1. Giải đồng đội: Thi đấu 4 trận đơn và 1 trận đôi và mỗi đội 03 VĐV, mỗi VĐV chỉ được thi đấu 2 trận.

Thứ tự trận đấu A gặp X, B gặp Y, đôi,

A hoặc B^{*} gặp Z, C gặp X hoặc Y^{*}

(* = Là người không chơi trận đôi).

- Nếu có trên 32 đội: Thi đấu loại trực tiếp;

- Nếu có từ 32 đội trở xuống: Thi đấu theo 2 giai đoạn.

+ Giai đoạn I: Chia bảng thi đấu vòng tròn một lượt chọn đội nhất, nhì vào giai đoạn II (mỗi bảng không quá 5 đội, số lượng bảng theo công thức 2^n);

+ Giai đoạn II: Thi đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã được bốc thăm).

3.2. Giải đơn, giải đôi: Thi đấu loại trực tiếp

- TH và THCS: Các trận đều thi đấu trong 5 ván;

- THPT: Đơn thi đấu trong 5 ván; đôi và đồng đội thi đấu trong 5 ván;

(các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau ở trận thi đấu đầu).

4. Số lượng VĐV tham dự: Mỗi đơn vị được đăng ký số lượng VĐV tham dự ở mỗi cấp học như sau:

4.1. TH: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội không quá 05 VĐV).

4.2. THCS: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội không quá 05 VĐV), giải đơn và đôi được chia thi đấu theo 02 lứa tuổi (12-13 tuổi và 14-15 tuổi) mỗi lứa tuổi được cử 02 đơn nam, 02 đơn nữ, 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 02 đôi nam nữ.

4.3. THPT: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội không quá 05 VĐV).

4.4. Mỗi VĐV được phép thi đấu tối đa 02 nội dung không kể đồng đội.

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Bóng bàn hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Quy định mỗi ván đấu: 11 điểm

5.3. Bóng thi đấu: Bóng Song Hỷ màu trắng có đường kính 40mm.

5.4. Trang phục thi đấu

- Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi;
- Trang phục không được màu trắng vì trùng màu của bóng thi đấu;
- Áo thi đấu của các vận động viên khi tham gia giải đồng đội, đôi và đơn phải có tên đơn vị in đằng sau lưng.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ.

Tính điểm để xếp hạng trong thi đấu vòng tròn: Thắng 2, thua 1, bỏ cuộc 0 điểm. Nếu 2 đội bằng điểm nhau, đội thắng trận đấu trực tiếp xếp trên, nếu có 3 đội trở lên bằng điểm nhau lần lượt sẽ tính tỷ số tổng trận thắng/trận thua, tổng ván thắng/ván thua, tổng điểm thắng/ điểm thua của các đội đó với nhau.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 11. MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ

2. Nội dung thi đấu

- THCS: Bóng chuyền nam, nữ (6-6)

- THPT: Bóng chuyền nam, nữ (6-6)

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu theo thể thức 3 hiệp thắng 2; mỗi hiệp 25 điểm, riêng hiệp quyết thắng (hiệp 3) thi đấu 15 điểm.

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi cấp học 01 đội nam và 01 đội nữ (mỗi đội gồm 12 VĐV).

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Bóng chuyền hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Bóng thi đấu: Sẽ do Ban Tổ chức quyết định.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ.

- 6.1. Cách tính điểm trong đấu vòng tròn: Theo Luật Bóng chuyền hiện hành.
- 6.2. Xếp hạng: Theo luật Bóng chuyền hiện hành.

7. Các quy định khác

Chọn hạt giống: Lấy thành tích của HKPĐ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI.

8. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 12. MÔN BÓNG ĐÁ

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ này.

- TH: Bóng đá nam 5 người
- THCS: Bóng đá nam 7 người; Bóng đá nữ 5 người
- THPT:
 - + Bóng đá nữ 5 người;
 - + Bóng đá nam 7 người.

2. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký:

- TH: 01 đội gồm 10 VĐV.
- THCS nam: 01 đội gồm 14 VĐV; THCS nữ: 01 đội gồm 10 VĐV
- THPT: 01 đội nữ gồm 10 VĐV; 01 đội nam gồm 14 VĐV.

3. Luật thi đấu

- Áp dụng Luật thi đấu: 5 người và 7 người do Ủy ban TDTT (nay là Tổng cục TDTT) hiện hành.

- Chọn làm hạt giống: Lấy thành tích của HKPĐ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI.
- Bóng thi đấu: Do Ban Tổ chức quy định.
 - + TH: Bóng số 4
 - + THCS, THPT (nam, nữ): Bóng số 5.
- Bóng đá 5 người: Thi đấu trong 2 hiệp mỗi hiệp 20 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 10 phút).
- Bóng đá 7 người: Thi đấu trong 2 hiệp mỗi hiệp 25 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 10 phút).
- Giày thi đấu: Thi đấu trong nhà dùng giày bata đế cao su thường. Thi đấu ngoài trời có thể dùng giày đế mềm có núm chống trơn.
- Phải có bọc ống quyền theo quy định của Luật bóng đá hiện hành

4. Cách tính điểm: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

4.1. Tính điểm để xếp hạng giai đoạn 1 đấu vòng tròn: Thắng 3 điểm - thua 0 điểm – hoà 1 điểm.

4.2. Xếp hạng giai đoạn 1:

* Nếu có từ hai đội trở lên bằng điểm nhau, trước hết tính kết quả của các trận đấu giữa các đội đó với nhau theo thứ tự:

- Số điểm;
- Hiệu số bàn thắng và số bàn thua;
- Tổng số bàn thắng.

Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

* Nếu các chỉ số trên bằng nhau, thì tiếp tục xét các chỉ số của toàn bộ các trận đấu trong giải theo thứ tự:

- Hiệu số của tổng số bàn thắng và tổng số bàn thua;
- Tổng số bàn thắng.

Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

* Nếu các chỉ số vẫn bằng nhau, sẽ tổ chức bắt thăm để xác định.

4.3. Giai đoạn 2 thi đấu theo thể thức loại trực tiếp không có trận hoà. Nếu hoà trong 2 hiệp chính sẽ thi đá phạt luân lưu để xác định đội thắng (không đá hiệp phụ).

5. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi và tặng cúp, cờ cho đội vô địch.

Điều 13. MÔN BÓNG RỒ

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ.

2. Nội dung thi đấu: đội tuyển 5 người

- THCS nam, nữ.
- THPT nam, nữ.

3. Thể thức thi đấu: Căn cứ vào số đội tham dự BTC quyết định

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi cấp học 01 đội nam và 01 đội nữ (mỗi đội gồm 10 VĐV).

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Bóng rổ quốc tế hiện hành.

5.2. Bóng thi đấu: Do Ban Tổ chức quy định.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này. Tính điểm và xếp hạng: theo Luật Bóng rổ hiện hành.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 14. MÔN CỜ VUA

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ.

2. Nội dung thi đấu: Cờ tiêu chuẩn, cờ nhanh cho nam, nữ của các độ tuổi.

- TH: Lớp 1-3 (6 - 9 tuổi); lớp 4-5 (10 - 11 tuổi).

- THCS: Lớp 6-7 (12 - 13 tuổi); lớp 8-9 (14 - 15 tuổi).

3.3. THPT: Lớp 10 (16 tuổi); lớp 11-12 (17 - 18 tuổi).

4. Thể thức thi đấu: Thi cá nhân, đồng đội.

4.1. Theo hệ Thụy sĩ trong 7 ván

4.2. Thời gian thi đấu là: 90 phút tự do để hoàn thành ván cờ đối với cờ tiêu chuẩn; 20 phút đối với cờ nhanh.

5. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký 02 VĐV nam và 02 VĐV nữ ở mỗi độ tuổi, mỗi nội dung thi đấu.

6. Luật thi đấu: Theo Luật Cờ vua hiện hành của Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Cách tính điểm xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

7.1. Xếp hạng cá nhân theo điểm, tổng điểm đối kháng trong nhóm bằng điểm, hệ số Bucholz, hệ số lũy tiến, số ván thắng, số ván cầm quân đen, số ván thắng bằng quân đen nếu vẫn bằng nhau thì bắt thăm xác định thứ hạng.

7.2. Xếp hạng đồng đội: Tổng điểm đạt được theo xếp hạng của 02 VĐV nam hoặc 2 VĐV nữ ở mỗi độ tuổi, nếu bằng nhau thì tính tổng thứ hạng, nếu bằng nhau thì đội có VĐV xếp hạng cá nhân cao hơn được xếp trên.

7.3. Xếp hạng toàn đoàn: Theo tổng điểm đạt được của các đội, tổng thứ hạng của các đội.

8. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 15. MÔN CÀU LÔNG

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ

2. Nội dung thi đấu

a) THCS:

- Độ tuổi 12-13: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phôi hợp, đồng đội nam, đồng đội nữ.

- Độ tuổi 14-15: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phôi hợp, đồng đội nam, đồng đội nữ

b) THPT: Đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đơn nam, đơn nữ, đôi nam nữ.

3. Thể thức thi đấu

3.1. Giải đồng đội: Thi đấu 2 trận đơn và 1 trận đôi (mỗi trận thi đấu trong 3 ván) mỗi đội có 03 VĐV tham gia thi đấu.

3.2. Giải đơn và giải đôi: Thi đấu loại trực tiếp

THCS và THPT: Các trận đều thi đấu trong 3 ván, thắng 2.

4. Số lượng VĐV dự thi

4.1. THCS: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội được đăng ký 4 VĐV), giải đơn và giải đôi được chia và thi đấu theo 2 lứa tuổi (12-13 và 14-15) mỗi lứa tuổi được cử 01 đội nam, 01 đội nữ, 02 đội nam nữ phái hợp, 02 đơn nam, 02 đơn nữ.

4.2. THPT: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội được đăng ký 4 VĐV), 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 02 đôi nam nữ, 02 đơn nam, 02 đơn nữ.

4.3. VĐV được đăng ký tham gia thi đấu không quá 03 nội dung (kể cả đồng đội).

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Cầu lông hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Các cá nhân cùng đơn vị không gặp nhau trong trận đấu tiên.

5.3. Cầu thi đấu: Do Ban Tổ chức quy định (sẽ có thông báo sau).

5.4. Trang phục: Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi.

6. **Cách tính điểm và xếp hạng:** Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ.

Tính điểm thi đấu đồng đội để xếp hạng ở vòng I: Thắng 2, thua 1, bỏ cuộc 0 điểm. Nếu 2 đội bằng điểm nhau đội thắng trong trận đấu trực tiếp xếp trên. Nếu có 3 đội trở lên bằng điểm nhau lần lượt sẽ tính tỷ số tổng trận thắng/trận thua; tổng hiệp thắng/ hiệp thua; tổng điểm thắng/tổng điểm thua của các đội đó với nhau.

7. **Giải thưởng:** 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 16. MÔN ĐÁ CẦU

1. **Đối tượng:** Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ

2. **Nội dung thi đấu**

- TH: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

- THCS: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đội tuyển nam, đội tuyển nữ.

- THPT: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đội tuyển nam, đội tuyển nữ.

3. Số lượng VĐV

3.1. Mỗi đơn vị được đăng ký một đội gồm 6 VĐV nam và 06 VĐV nữ.

3.2. Mỗi đơn vị đăng ký 02 đơn nam và 02 đơn nữ; 01 đôi nam, 01 đôi nữ; 02 đôi nam nữ; 01 đội nam, 01 đội nữ ở mỗi nội dung thi.

3.3. Mỗi VĐV được tham gia tối đa 03 nội dung, thi nội dung đội tuyển gồm 3 VĐV.

4. Thể thức thi đấu

Thi đấu đội tuyển: Mỗi trận thi đấu được cử 06 VĐV (03 VĐV chính thức và 03 VĐV dự bị).

+ Vòng I: Chia bảng thi đấu vòng tròn một lượt (để chọn đội nhất, nhì vào vòng II, mỗi bảng không quá 5 đội, số lượng bảng theo công thức 2^n);

+ Vòng II: Thi đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã được bốc thăm, nhất bảng này gặp nhì bảng kia).

5. Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật thi đấu Đá cầu hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.1. Cầu thi đấu:

5.2. Trang phục thi đấu: Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi

5.3. Các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau trong trận thi đấu ở thể thức loại trực tiếp.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 17. MÔN THỂ DỤC AEROBIC

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ.

2. Nội dung: Bao gồm 3 nội dung cho cấp học TH (Lớp 1-3), TH (Lớp 4-5), THCS, THPT.

- Bài qui định Thể dục cơ bản;
- Bài Thể dục Aerobic tự chọn nhóm 3 người;
- Bài Thể dục Aerobic tự chọn nhóm 8 người.
- TH: + Nhóm 1: Lớp 1 – 3 (3 nội dung);
 - + Nhóm 2: Lớp 4 – 5 (3 nội dung).
- THCS: Lớp 6 – 9 (3 nội dung).
- THPT: Lớp 10 -12 (3 nội dung).

3. Số lượng VĐV

- VĐV chỉ được phép đăng ký tham gia thi đấu ở một nhóm tuổi duy nhất;
- Mỗi VĐV chỉ được phép tham dự tối đa 02 nội dung cho mỗi nhóm tuổi;
 - + 01 Bài quy định: 8 VĐV (nam/ nữ/ hỗn hợp) + 1 VĐV dự bị;
 - + 01 Bài Tự chọn 8 người: 8 VĐV (nam/ nữ/ hỗn hợp) + 1 VĐV dự bị;
 - + 01 Bài Tự chọn 3 người: 3 VĐV (nam/ nữ/ hỗn hợp)

4. Thể thức thi đấu: Đồng đội

5. Luật thi đấu

5.1. Đánh giá bài thi theo luật chấm điểm Thể dục Aerobic HKPĐ do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2015.

5.2. Cấu trúc bài thi áp dụng Quy định cấu trúc bài thi theo Luật Thể dục Aerobic HKPĐ do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2015.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 của Điều lệ

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Ngoài những quy định trên đây, những yêu cầu cụ thể của môn Thể dục áp dụng theo Luật Thể dục Aerobic HKPD do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2015.

Điều 18. VÕ CỔ TRUYỀN

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ.

2. Nội dung: Thi quyền cấp THCS và THPT

2.1. Cấp tiểu học

a) Bài căn bản công pháp số I (27 động tác)

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;

- Nội dung song luyện (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);

b) Bài: Lão Hồ Thượng Sơn

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;

- Nội dung song luyện (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ)

2.2. Cấp THCS:

a) Bài căn bản công pháp số II (36 động tác):

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;

- Nội dung song luyện (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);

- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);

- Nội dung đối luyện (từ 02 - 05 VĐV): Nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp II (36 động tác).

b) Bài Ngọc Trần Quyền.

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;

- Nội dung đồng đội (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);

- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);

2.3. Cấp THPT:

a) Bài Căn bản công pháp số III (45 động tác)

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;
 - Nội dung song luyện (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);
 - Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);
- b) Bài Lão Mai Quyền.
- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;
 - Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);
 - Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);

4. Số lượng VĐV tham gia:

- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký tham gia thi đấu tối đa 03 nội dung;
- Cấp TH: Mỗi đơn vị được đăng ký tối đa 03 nội dung thi đấu/bài quyền của mỗi cấp học.
- Cấp THCS, THPT: Mỗi đơn vị được đăng ký tối đa 06 nội dung thi đấu/bài quyền của mỗi cấp học.

5. Luật thi đấu

5.1. Luật thi đấu: Thi đấu theo Luật Võ cổ truyền Việt Nam do Tổng cục TDTT ban hành năm 2016.

5.2. Trang phục: Trang phục Võ Cổ truyền Việt Nam theo quy định của Liên đoàn Võ Cổ truyền Việt Nam.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi

Điều 19. MÔN KÉO CO

1. Đối tượng: Theo quy định tại mục 2, Điều 4 của Điều lệ

Mỗi đơn vị được cử tối đa 01 đội cho các nội dung thi. Mỗi đội tối đa có 10 VĐV (08 chính thức, 02 dự bị)

2. Tính chất: Thi đấu đồng đội nam, đồng đội nữ, đồng đội nam nữ phối hợp (4 nam, 4 nữ)

3. Nội dung thi đấu

- THCS:

- + Nam thi đấu 01 hạng cân: không quá 440kg;
- + Nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 400kg;
- + Đồng đội nam nữ phối hợp thi đấu 01 hạng cân: không quá 420kg.

- THPT:

- + Nam thi đấu 01 hạng cân: không quá 480kg;
- + Nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 440kg;
- + Đồng đội nam, nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 460kg.

4. Thủ thức thi đấu: Căn cứ vào số đội tham gia BTC sẽ lựa chọn

- Thi đấu trong nhà thi đấu;
- VĐV mặc trang phục thi đấu đúng quy định của Luật;
- Thi đấu mỗi trận 3 hiệp, thắng 2;
- Mỗi hạng cân phải có từ 3 đội trở lên mới tổ chức thi đấu;
- Cân kiểm tra VĐV, từ 6h00 - 7h00 các ngày thi đấu.

5. Luật thi đấu: Áp dụng theo luật thi đấu môn Kéo co hiện hành.

6. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 của Điều lệ

7. Khen thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 20. MÔN ĐẦY GẬY

1. Đối tượng dự thi: Theo qui định của mục 2, Điều 4 của Điều lệ

2. Nội dung thi đấu:

Cấp THCS

TT	Nam thi đấu 8 hạng cân	Nữ thi đấu 8 hạng cân
1	Đến 41kg	Đến 35kg
2	Trên 41kg đến 44kg	Trên 35kg đến 38kg
3	Trên 44kg đến 47kg	Trên 38kg đến 41kg
4	Trên 47kg đến 50kg	Trên 41 đến 44kg
5	Trên 50kg đến 53kg	Trên 44kg đến 47kg
6	Trên 53kg đến 56kg	Trên 47kg đến 50kg
7	Trên 56kg đến 59kg	Trên 50kg đến 53kg
8	Trên 59kg	Trên 53kg

Cấp THPT

TT	Nam thi đấu 9 hạng cân	Nữ thi đấu 9 hạng cân
1	Đến 44 kg	Đến 41kg
2	Trên 44 kg đến 47kg	Trên 41kg đến 44kg
3	Trên 47 kg đến 50 kg	Trên 44 kg đến 47kg
4	Trên 50 kg đến 53 kg	Trên 47kg đến 50kg
5	Trên 53 kg đến 56 kg	Trên 50kg đến 53kg
6	Trên 56 kg đến 59 kg	Trên 53kg đến 56kg
7	Trên 59 kg đến 62 kg	Trên 56kg đến 59kg
8	Trên 62 kg đến 65 kg	Trên 59kg đến 62kg
9	Trên 65kg	Trên 62kg

2. Thể thức thi đấu: Loại trực tiếp một lần thua

3. Số lượng VĐV tham gia

Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV thi đấu cho mỗi hạng cân.

4. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu môn Đẩy gậy hiện hành. Chú ý: Thi đấu sân trong nhà, nhà thi đấu, trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

5. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo Điều 7 của Điều lệ này.

6. Khen thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi hạng cân.

Chương III

KHIÉU NẠI - KHEN THƯỞNG - KỸ LUẬT

Điều 21. KHIÉU NẠI

1. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật

- Chỉ có lãnh đạo đoàn mới có quyền khiếu nại, chậm nhất thời gian sau 30 phút kết thúc trận đấu. Khi khiếu nại phải có văn bản nộp cho Ban Trọng tài cuộc thi khi xảy ra sự cố.

- Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật, luật do Ban Trọng tài cuộc thi xử lý, giải quyết tại chỗ. Ban trọng tài cuộc thi phải giải quyết trước khi buổi thi kết thúc.

- Mọi cá nhân, đơn vị có liên quan phải phục tùng các quyết định của Ban Trọng tài cuộc thi về những vấn đề khiếu nại. Nếu thấy chưa thoả đáng có quyền khiếu nại lên Ban Tổ chức HKPĐ, nhưng không được cố tình kéo dài cuộc thi hoặc bỏ cuộc.

2. Các khiếu nại về nhân sự

Trưởng đoàn gửi văn bản khiếu nại cho BTC. BTC sẽ giải quyết tại chỗ, trường hợp chưa có đủ điều kiện xử lý ngay sẽ bảo lưu để thẩm tra và xử lý sau (chậm nhất là 30 ngày sau khi HKPĐ kết thúc) và thông báo lại với đơn vị có đơn khiếu nại bằng văn bản.

Điều 22. KHEN THƯỞNG

1. Căn cứ kết quả thi đấu của từng cá nhân và tập thể các đơn vị, Sở GD&ĐT khen thưởng như sau:

1.1. Tặng Huy chương Vàng, Bạc, Đồng và giải thưởng và cấp giấy chứng nhận “Huy chương” cho các cá nhân, đồng đội đạt thành tích nhất, nhì, ba theo Điều lệ từng môn.

1.2. Tặng cờ và giải thưởng của từng môn thi: Tính theo điểm các nội dung thi cá nhân, đôi, đội gồm các môn: Bơi, Đẩy gậy, Đá cầu, Điền kinh, Cầu lông, Bóng bàn, Cờ vua, Võ cổ truyền như sau:

- Khối phòng GD&ĐT: 01 nhất, 02 nhì, 03 ba

- Khối các trường THPT: 01 nhất, 02 nhì, 02 ba; 4 khuyến khích

+ Các môn thi đấu tập thể: Gồm 01 giải nhất; 01 giải nhì; 02 giải ba; môn Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Thể dục 8 người (được xác định bằng kết quả thi đấu)

1.3. Tặng cờ và giải thưởng toàn đoàn: Tổng điểm các môn thi để xếp hạng như sau:

- Khối phòng GD&ĐT: 01 nhất, 02 nhì, 03 ba; 3 khuyến khích
- Khối các trường THPT: 01 nhất, 02 nhì, 04 ba; 06 khuyến khích

Điều 23. KỶ LUẬT

1. Cá nhân, đơn vị nào vi phạm Điều lệ, những quy định của Ban Tổ chức HKPĐ và từng môn thể thao trong chương trình HKPĐ và có hành vi bỏ cuộc, kích động bỏ cuộc, tự ý kéo dài thời gian trong mọi tình huống tùy theo mức độ vi phạm sẽ áp dụng hình thức kỷ luật từ phê bình, cảnh cáo đến truất quyền thi đấu của VĐV, quyền chỉ đạo, huỷ bỏ thành tích thi đấu của cá nhân vi phạm và thành tích của đồng đội có cá nhân vi phạm.

2. Đơn vị có vi phạm xử lý theo tinh thần của Chỉ thị 15/2002/CT-TTg ngày 26/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về “chống tiêu cực trong các hoạt động thể dục thể thao”./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Thịnh